

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/HS-ST**

Ngày 24 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Bình Trọng.

Nghề nghiệp: Bí thư đoàn thanh niên TT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Hoàng Thị Thu

Nghề nghiệp: Phó chủ tịch Hội phụ nữ TT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2023/TLST - HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn D**, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1997 tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn C, sinh năm 1966 và bà: Trịnh Thị D (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2023 đến ngày 28/9/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/01/2010 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngà, là trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- Những người làm chứng:

1. Chị Lê Thị D, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn O, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Trương Thị Hồng N, sinh năm 2009 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 9/2023, Lê Văn D sử dụng nick facebook có tên là “Chivas Anh” làm quen với cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/01/2010 ở thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa có nick facebook là “Nguyễn T”. Quá trình nhắn tin nói chuyện với nhau giữa D và cháu T nảy sinh tình cảm yêu đương. Ngày 15/9/2023, D hẹn gặp mặt cháu T nên đến khoảng 19 giờ D đi xe máy đến gần nhà đón T. Sau đó, D chở T đi chơi rồi rủ T vào nhà nghỉ Khánh Tâm thuộc địa phận thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, D và T thuê phòng nghỉ số 305, khi vào trong phòng nghỉ D cởi quần áo của T và cởi quần áo của D sau đó cho dương vật vào trong âm đạo của T rồi cả hai cùng quan hệ tình dục với nhau, D xuất tinh ra ngoài. Sau khi quan hệ tình dục xong, D cho T 100.000đ để chi tiêu cá nhân rồi chở đến gần nhà T và T tự đi bộ về.

Ngày 16/9/2023, D tiếp tục rủ cháu T đi chơi. Khoảng 19 giờ cùng ngày, D đi xe máy đến đón T sau đó rủ T vào nhà nghỉ San San thuộc địa phận Khu 3, TT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và được T đồng ý. Tại đây, D và T thuê phòng nghỉ số 302 và tự nguyện quan hệ tình dục với nhau 01 lần (Lê Văn D cho dương vật vào trong âm đạo của T và xuất tinh vào trong âm đạo của T). Quá trình quan hệ tình dục với nhau, D sử dụng điện thoại Iphone 14 màu đen quay lại và lưu giữ đoạn video trong điện thoại. Quan hệ tình dục xong D chở T về nhà và cũng cho T 100.000đ để chi tiêu, đồng thời cho T mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu đỏ - đen để sử dụng.

Đến ngày 20/9/2023, D đến gặp T để lấy điện thoại, do D không liên lạc được với T nên D đã truy cập vào tài khoản facebook của T tìm bạn bè thì thấy tài khoản facebook tên “....Nhungg” của Trương Thị Hồng N, sinh năm 2009, ở thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. D sử dụng facebook “Chivas Anh” nhắn tin cho facebook “Hồng Nhungg” qua ứng dụng Messenger nói chuyện và nhờ Nhung hẹn gặp T.

Quá trình nhắn tin nói chuyện với nhau vào tối ngày 22/9/2023, D đã gửi video quay cảnh quan hệ tình dục của D và T cho Trương Thị Hồng N, sau đó Nhung đã lưu trữ trong điện thoại cá nhân. Đến ngày 23/9/2023, anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, ở thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (là bố của cháu Nguyễn Thị Thanh T) biết sự việc trên nên đã trình báo Cơ quan công an. Còn Lê Văn D nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Công an huyện Yên Định đầu thú và khai báo hành vi phạm tội (BL số 87-108, 50-78, 127, 128, 131, 132).

Ngày 26/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định quyết định trưng cầu giám định số 249/QĐ-CSĐT trưng cầu giám định pháp y tình dục đối với cháu Nguyễn Thị Thanh T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 122/2023/KLTDTE-PTTH ngày 25/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa (BL 31-34), kết luận:

- “ - Màng trinh: Rách cũ vị trí 3 giờ, 9 giờ. Không xác định được thời gian rách;
- Nguyễn Thị Thanh T không có thai;
- Test PSA: Âm tính;
- Soi tinh trùng: Hiện tại không thấy hình ảnh tinh trùng và xác tinh trùng trên mẫu thu từ âm đạo;
- Xét nghiệm AND: Không phát hiện thấy AND nhiễm sắc thể Y từ mẫu dấu vết trên tấm bông thu chất bám dính tại bộ phận sinh dục của Nguyễn Thị Thanh T;
- Không tìm thấy Methanol, Ethanol trong mẫu máu của Nguyễn Thị Thanh T;
- Không tìm thấy các chất ma túy trong mẫu máu, nước tiểu của Nguyễn Thị Thanh T;
- Không tìm thấy thuốc kích dục Arrginine trong mẫu máu, nước tiểu của Nguyễn Thị Thanh T”.

Ngày 02/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa quyết định trưng cầu giám định số 254/QĐ-CSĐT trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định đối với các tệp video ghi lại việc quan hệ tình dục của D và T. Tại bản kết luận giám định số 4080/KL-KTHS ngày 09/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 05 tệp video gửi giám định.

Tệp vi deo “4581157628952848041” niêm phong trong phong bì ký hiệu G1 gửi giám định có dung lượng 1.88MB (1,973.006 bytes) (BL 250).

Kết quả xét nghiệm kháng thể HIV của Lê Văn D tại trung tâm y tế huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xác định: Kháng thể HIV trong máu của Lê Văn D âm tính với HIV (BL số 88).

Về vật chứng vụ án: Không thu giữ gì.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Lê Văn D đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho cháu Nguyễn Thị Thanh T số tiền 70.000.000đ. Gia đình bị hại đã nhận đầy đủ tiền và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSYP ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Lê Văn D về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo Điểm a Khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 145, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 27 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/9/2023. Về hình phạt bổ sung, không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm bảo vệ: Về tội danh thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến gì. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội để lên mức án phù hợp cho bị cáo D mang tính răn đe, giáo dục chung. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại đã nhận đầy đủ tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu gì thêm.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Thanh T có quan điểm: Về bồi thường thiệt hại cháu T, gia đình đã nhận tiền bồi thường đầy đủ và không yêu cầu gì thêm. Về hình phạt, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D mức hình phạt thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Lê Văn D thống nhất với quan điểm luận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại cũng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị cho bị cáo D mức hình phạt thấp nhất. Bị cáo D nói lời sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại, gia đình bị hại và nhận thấy hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét để cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lê Văn D đã hoàn toàn thừa nhận: Xuất phát từ tình cảm yêu đương nam nữ, vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15/9/2023 tại phòng 305 của nhà nghỉ Khánh Tâm ở Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn D đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/01/2010 (tính đến thời điểm D thực hiện hành vi phạm tội, cháu T mới 13 tuổi 07 tháng 25 ngày). Sau đó, vào khoảng 20 giờ ngày 16/9/2023, Lê Văn D tiếp tục có hành vi giao cấu với cháu T tại phòng 302 của Nhà nghỉ San San ở Khu 3, TT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Cả hai lần D quan hệ tình dục với cháu T đều được T đồng ý.

Lời khai nhận của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi quan hệ tình dục của bị cáo D hai lần đối với cháu T mới 13 tuổi 07 tháng 25 ngày đã phạm vào tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án giao cấu đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ cũng như ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của người Việt. Mặc dù việc quan hệ tình dục giữa bị cáo D và cháu T là sự đồng thuận của cả hai, không bên nào ép buộc bên nào. Nhưng bị cáo đã lợi dụng sự non nớt về mặt nhận thức của cháu T để thỏa mãn nhu cầu sinh lý của bản thân mà dẫn đến việc phạm tội. Trong giai đoạn hiện nay, tội phạm xâm hại tình dục đối với trẻ em diễn ra ngày càng gia tăng, gây tác động xấu cho xã hội nên cần phải lên mức án nghiêm khắc để giáo dục, đồng thời răn đe những kẻ khác có ý định phạm tội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị

hại. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an để đầu thú; trong sinh hoạt tại nơi cư trú bị cáo tham gia ủng hộ Hội bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và Hội nạn nhân chất độc Dioxin; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra bức xúc cho gia đình bị hại và nỗi lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cũng cần xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đại diện hợp pháp của bị hại nhận lời xin lỗi của bị cáo D và mong Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo D để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm. Do đó, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với hành vi D gửi video quay cảnh quan hệ tình dục của D và T cho Trịnh Thị Hồng Nhung, sau đó Nhung lưu giữ trong điện thoại cá nhân, không phát tán cho người khác, đoạn video có dung lượng dưới 1Gb và cháu T chưa xem video này nên không có cơ sở xem xét xử lý D về hành vi truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy và làm nhục người khác. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Yên Định ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo D đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm cho cháu Nguyễn Thị Thanh T với số tiền là 70.000.000đ. Gia đình bị hại đã nhận tiền bồi thường đầy đủ và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 145, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn D 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa